

Bản án số: 02/2017/DS-PT

Ngày: 13/01/2017

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*** Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Thẩm phán: Ông Tôn Anh Dũng.

Bà Nguyễn Thị Kim Trọng.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Châu, cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sinh - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 13 tháng 01 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Toà án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 13/2016/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2016 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, do bản án sơ thẩm số: 09/2016/KDTM-ST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị phía bị đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V, Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ T kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2016/QĐPT-KDTM ngày 6 tháng 12 năm 2016, và Quyết định hoãn phiên tòa số 3962/2016/QĐ-PT ngày 30/12/2016 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng B. Địa chỉ trụ sở: đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đức H, Chuyên viên xử lý nợ thuộc Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng B, theo văn bản ủy quyền ngày 16/05/2014 và ngày 20/10/2015 của Tổng Giám đốc; Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: đường B, phường T, thành phố H; Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H: Ông Phạm Hữu B (chồng của bà Nguyễn Thị H), theo văn bản ủy quyền ngày 27/12/2016.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V. Địa chỉ: 58 đường Phùng Hưng, phường T, thành phố H; Người đại diện theo ủy quyền của bà Vân là ông Hiếu theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2017; Có mặt.

2. Bà Trần Thị H. Trú tại: đường H, phường T, thành phố H; Có mặt.

3. Hợp tác xã Thương mại Dịch vụ T. Địa chỉ: đường Đ, phường T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị H - Chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T; Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phía nguyên đơn trình bày: Ngày 27/9/2011 và ngày 03/11/2011 vợ chồng ông bà Phạm Hữu B, Nguyễn Thị H có vay tiền tại Ngân hàng B - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo 02 Hợp đồng tín dụng số 0000010719 ngày 27/9/2011 và Hợp đồng tín dụng số 0000011344 ngày 03/11/2011, với tổng số tiền vay là 700.000.000đồng. Sau khi vay vốn, ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 28/7/2016, ông B và bà H còn nợ Ngân hàng B số tiền nợ gốc là: 700.000.000đồng; nợ lãi trong hạn: 71.273.753đồng; nợ lãi quá hạn: 565.745.833đồng; Tổng cộng nợ gốc và nợ tiền lãi: 1.337.019.586đồng. Cụ thể như sau:

1. Khoản vay thứ nhất: Theo Hợp đồng tín dụng số 0000010719 ngày 27/9/2011, số tiền vay là 200.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 27/9/2011 đến ngày 27/9/2012; lãi suất cho vay trong hạn: 1,95%/tháng được điều chỉnh 3 tháng một lần, mục đích vay vốn là để góp vốn kinh doanh. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trên, bên thứ ba là bà Trần Thị H đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng B - Chi nhánh Thừa Thiên Huế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất - tọa lạc tại số 19A (nay là số 33) đường Hàn Thuyên, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo Hợp đồng thế chấp số 36/2011/HĐTC-BACABANK ngày 26/9/2011, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 26/9/2011 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H ngày 27/9/2011. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng B - Chi nhánh Thừa Thiên Huế đã giải ngân cho ông B, bà H vay số tiền 200.000.000đồng, theo giấy nhận nợ ngày 27/9/2011. Sau khi vay vốn đến nay bị đơn đã trả được 52.307.221đồng tiền lãi. Tính đến ngày 28/7/2016, bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng, nợ tiền lãi trong hạn 31.096.668đồng và nợ lãi quá hạn 146.766.667đồng; Tổng cộng nợ gốc và lãi của hợp đồng này là 377.863.335 đồng.

2. Khoản vay thứ hai: Theo Hợp đồng tín dụng số 0000011344 ngày 03/11/2011 số tiền vay: 500.000.000đồng; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 03/11/2011 đến 03/11/2012; lãi suất cho vay (trong hạn): 1,9%/tháng, lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng một lần, mục đích vay vốn là để góp vốn kinh doanh. Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng trên, bên thứ ba là ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng B - Chi nhánh Thừa Thiên Huế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất - tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên Huế. mTheo Hợp đồng thế chấp số 52/2011/HĐTC ngày 02/11/2011, được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 02/9/2011 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H ngày 03/11/2011. Quá trình thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng B - Chi nhánh Thừa Thiên Huế đã giải ngân cho ông B, bà H số tiền 500.000.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 03/11/2011. Sau khi vay vốn đến nay bị đơn đã trả được 115.804.165đồng tiền lãi. Tính đến ngày 28/7/2016, bị đơn còn nợ số tiền nợ gốc là 500.000.000đồng; nợ tiền lãi trong hạn 40.177.085đồng và lãi quá hạn 418.979.167đồng; Tổng cộng nợ gốc và lãi là 959.156.252đồng.

Cả hai Hợp đồng tín dụng nêu trên đã quá thời hạn trả nợ từ tháng 11/2012. Mặc dù Ngân hàng B đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện để bị đơn thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng về phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bên thế chấp tài sản cũng không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận được quy định trong hợp đồng, đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Nên Ngân hàng B mới khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là ông bà Phạm Hữu B, Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B, số tiền nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng là 700.000.000đồng, nợ tiền lãi trong hạn là 71.273.753 đồng, nợ tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/7/2016 là 396.022.083đồng (tự nguyện giảm 1/3 số tiền lãi quá hạn nói trên nên tiền lãi quá hạn còn lại là 396.022.083đồng), tổng cộng nợ gốc và nợ tiền lãi là 1.167.295.836đồng. Nếu bị đơn không thực hiện thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Phía bị đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2011, ông làm việc tại Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T. Do Hợp tác xã mở rộng kinh doanh nên có nhờ vợ chồng ông vay vốn tại ngân hàng Ngân hàng B - Chi nhánh Huế. Vợ chồng ông đã ký kết hai Hợp đồng tín dụng số 0000010719 ngày 27/9/2011 với số tiền vay 200.000.000đồng và Hợp đồng tín dụng số 0000011344 ngày 03/11/2011 với số tiền 500.000.000đồng. Đảm bảo khoản vay 200.000.000đồng có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cửa, công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại đường H, phường T, thành phố H mang tên bà Trần Thị H, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất ở; Đảm bảo khoản vay 500.000.000đồng có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất và nhà cửa, công trình xây dựng trên đất tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố H mang tên ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ dân sự cho bên vay tiền. Sau khi vay tiền thì vợ chồng ông đã góp vốn tại Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông có trả nợ tiền lãi của hai Hợp đồng tín dụng, tổng cộng là 115.804.165đồng. Hiện tại còn nợ số tiền nợ gốc và nợ tiền lãi của hai Hợp đồng tín dụng tổng cộng 1.167.295.836đồng, đúng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nay nguyên đơn là Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông chịu trách nhiệm trả nợ số tiền nợ gốc và tiền lãi là 1.167.295.836đồng thì vợ chồng ông không có khả năng trả nợ, nên đề nghị Tòa án xem xét vì vợ chồng đứng tên vay giúp cho Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Do quen biết với vợ

chồng ông Phạm Hữu B và Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T, nên bà đã dùng tài sản thuộc sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại đường H, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ dân sự cho bên vay là ông B, bà H với số tiền vay là 200.000.000đồng, theo Hợp đồng thế chấp số 36/2011/HĐTC ngày 26/9/2011. Nay ngân hàng khởi kiện thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà đã thế chấp.

Tại bản tự khai ngày 05/01/2016, đơn đề nghị ngày 23/12/2015 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông bà Đoàn Xuân H, Tăng Thị Thúy V và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Đoàn Xuân H đại diện trình bày: Vào năm 2009, Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T do bà Lê Thị H làm Chủ nhiệm Hợp tác xã, đã mở rộng hoạt động kinh doanh là đầu tư xây dựng dự án Trung tâm nuôi dưỡng người già neo đơn, người khuyết tật và người nhiễm chất độc màu da cam. Đây là một dự án mang tính nhân văn và đạo lý, có sự vận động của Ban chủ nhiệm Hợp tác xã nên vợ chồng ông đã tự nguyện dùng tài sản thuộc sở hữu của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp, để thế chấp đảm bảo nghĩa vụ dân sự cho bên vay là ông B, bà H với số tiền vay là 500.000.000đồng, theo Hợp đồng thế chấp số 52/2011/HĐTC ngày 02/11/2011. Nay ngân hàng khởi kiện thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật để trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông vì đã quá thời hạn thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T do bà Lê Thị H là người đại diện theo pháp luật trình bày: Vào năm 2009 Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T mở rộng kinh doanh nên có huy động vốn. Tại thời điểm này, ông Phạm Hữu B là Phó chủ nhiệm Hợp tác xã, vào năm 2011 vợ chồng ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H đã ký kết hai hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B - Chi nhánh Huế vay với số tiền 700.000.000đồng để góp vốn tại Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T và đã dùng tài sản thuộc sở hữu của bà Trần Thị H và vợ chồng ông Đoàn Xuân H để thế chấp, đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của các khoản vay nói trên. Hiện tại Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T rất khó khăn về tài chính, chưa có khả năng trả lại số tiền nói trên cho vợ chồng ông B, bà H. Nay Ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông B, bà H thì bà đề nghị Ngân hàng xem xét giảm một phần tiền lãi và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2016/KDTM-ST ngày 28/7/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 290, 342, 355, 357, 471, 474, 475 và 476 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điều 4, 5, 9, 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Điều 3, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Phần 1 Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp - Bộ tài chính về hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản. Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Buộc bị đơn là ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng B số tiền là 1.167.295.836 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 71.273.753 đồng, tiền nợ lãi quá hạn: 396.022.083 đồng.
- Bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu thêm một khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 29/7/2016 cho đến khi thi hành xong, theo mức lãi suất thỏa thuận được quy định trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án điều kiện thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/8/2016 và ngày 10/8/2016, ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đưa bà Lê Thị H – chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T vào với tư cách đồng bị đơn.

Ngày 05/8/2016, ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trả lại tài sản thế chấp cho ông bà.

Ngày 15/8/2016, bà Lê Thị H – chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án và ngân hàng B miễn giảm thêm số tiền lãi quá hạn số tiền là 232.007.361 đồng, đồng thời yêu cầu tòa án miễn giảm 60% tiền án phí.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa thiên Huế, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vợ chồng ông Phạm Hữu B, bà Nguyễn Thị H vay nợ của Ngân hàng B (sau đây gọi tắt là ngân hàng B) số tiền 700.000.000 đồng thông qua hai hợp đồng tín dụng số 0000010719 ngày 27/9/2011 và số 0000011344 ngày 03/11/2011, với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Lê Thị Hường - tọa lạc tại đường H, phường T, thành phố H và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V tọa lạc tại đường P, phường T, thành phố H. Mục đích vay tiền được ghi tại các hợp đồng tín dụng là để góp vốn kinh doanh, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Sau khi ký nhận nợ vay tại ngân hàng thì ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H cho Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T mượn do đại diện Hợp tác xã là bà Lê Thị H, chủ nhiệm ký nhận nợ. Do ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tính đến ngày 28/7/2016, ông B và bà H còn nợ Ngân hàng B số tiền nợ gốc là: 700.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 71.273.753 đồng; nợ lãi quá hạn: 565.745.833 đồng nhưng Ngân hàng B tự nguyện giảm 1/3 số tiền lãi quá hạn nên tiền lãi quá hạn còn lại là 396.022.083 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ tiền lãi là

1.167.295.836đồng. Do đó Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông B và bà H trả nợ cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc và nợ lãi 1.167.295.836 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên cần sửa án sơ thẩm về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án bởi lẽ Hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng B và vợ chồng ông Phạm Hữu B, bà Nguyễn Thị H là Hợp đồng cho vay tài sản giữa một bên là tổ chức tín dụng và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H đứng tên vay vốn tại ngân hàng với tư cách cá nhân nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự chứ không phải tranh chấp kinh doanh thương mại như án sơ thẩm đã xác định.

Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân H, bà Tăng Thị Thúy V và Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T thì thấy rằng:

Ông Phạm Hữu B yêu cầu Tòa án đưa bà Lê Thị H – chủ nhiệm Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T vào vụ án với tư cách đồng bị đơn thì Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng B để vay số tiền 700.000.000 đồng là một giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện và độc lập, không có sự tham gia của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T trong Hợp đồng này. Vấn đề thỏa thuận giữa ông Phạm Hữu B và bà Lê Thị H – chủ nhiệm Hợp tác xã Thuận Thành về việc ông B đứng tên ký Hợp đồng tín dụng với ngân hàng B để vay số tiền 700.000.000đồng sau đó đưa cho Hợp tác xã nhằm góp vốn vào sản xuất kinh doanh là một giao dịch dân sự độc lập khác bởi lẽ sau khi trực tiếp ký nhận tiền tại ngân hàng B, ông Phạm Hữu B đã dùng số tiền vay được giao lại cho Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T với thỏa thuận Hợp tác xã sẽ dùng số tiền trên vào mục đích kinh doanh, hàng tháng sẽ chịu trách nhiệm giao tiền cho ông B trả nợ và lãi cho ngân hàng. Như vậy việc Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T nhận nợ từ số tiền ông B và bà H vay tại Ngân hàng là một giao dịch dân sự độc lập khác dưới hình thức vay tài sản. Đây là một giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện theo sự thỏa thuận hợp pháp giữa các bên. Vì vậy, việc Tòa án sơ thẩm xác định tư cách ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng do Ngân hàng B khởi kiện là đúng pháp luật. Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T được Tòa án cấp sơ thẩm xác định với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ pháp luật. Trong trường hợp Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận với ông B và bà H thì vợ chồng ông bà có thể khởi kiện Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T với tư cách bị đơn trong một vụ án dân sự khác.

Về kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V không chấp nhận việc xử lý tài sản thế chấp của ông bà thì hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 58 đường Phùng Hưng, phường T, thành phố H của ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V với ngân hàng B được thực hiện đúng trình tự, thủ tục có cơ quan công chứng chứng nhận và đã được đăng ký thế chấp, phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch đảm bảo. Trong Điều 4 của Hợp đồng thế chấp có ghi rõ tài sản thế chấp sẽ được xử lý để thu hồi nợ trong trường hợp “đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ

mà bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng,... đã ký với bên nhận thế chấp.”. Như vậy ông Hiếu và bà Vân nhận thức được việc dùng tài sản để thế chấp bảo đảm cho giao dịch của ông B và bà H với ngân hàng B là hoàn toàn có khả năng bị phát mãi xử lý nếu ông B và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, việc ngân hàng B yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi nợ khi ông B và bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở, đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V.

Về yêu cầu giảm khoản tiền lãi vay quá hạn 232.007.361 đồng, và yêu cầu tòa án miễn giảm 60% tiền án phí của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Như đã phân tích ở trên, tại các Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng TMCP B và vợ chồng ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H hoàn toàn không liên quan đến Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T nhưng do Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp tác xã Thuận Thành là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên Hợp tác xã có quyền kháng cáo. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Hợp tác xã Thuận Thành không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này. Vì vậy, căn cứ Điều 270, điểm d khoản 1 Điều 289, Điều 295 để sửa một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân H, bà Tăng Thị Thúy V. Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế là đúng pháp luật.

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V, Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa một phần bản án sơ thẩm về xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng.

Quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về dân sự.

Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng cáo của Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T.
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung.
3. Áp dụng các Điều 290, 302, 342, 355, 357, 471, 474, 475 và 476 Bộ Luật dân sự năm 2005;

Buộc bị đơn là ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng B số tiền là 1.167.295.836 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn: 71.273.753 đồng, tiền nợ lãi quá hạn: 396.022.083 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng B có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H chưa thanh toán số tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng theo mức lãi suất được thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, kể từ ngày 29/7/2016 cho đến khi thi hành án xong khoản nợ nói trên.

4. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ nói trên và khoản tiền lãi phát sinh, thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp sau đây:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 22 tại 19A Hàn Thuyên, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên bà Trần Thị H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 330106 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 19/4/2000;

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 121, tờ bản đồ số 16 tại số 58 đường Phùng Hưng, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đứng tên ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB329772 do Ủy ban nhân dân thành phố Huế cấp ngày 27/01/2006.

Trường hợp tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng B thì ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ tiếp số tiền nợ còn lại.

5. Án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H phải chịu: 47.018.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 23.800.000 đồng (Hai mươi ba triệu, tám trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn là Ngân hàng B, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 000669, ngày 07/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V, và Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T không phải chịu. Riêng cần tạm giữ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 200.000 đồng của bị đơn ông Phạm Hữu B và bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001890 ngày

29/9/2016 để bảo đảm thi hành án; hoàn trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Xuân H và bà Tăng Thị Thúy V 200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001893 ngày 03/10/2016; hoàn trả cho Hợp tác xã Thương mại dịch vụ T 200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001889 ngày 26/9/2016 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- TAND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung